

Số: 308/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về nhiệm vụ kế hoạch đầu tư công năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6/2015;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng
Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách
nhà nước năm 2023;*

*Thực hiện Kết luận số 638-KL/TU ngày 05 tháng 12 năm 2022 tại Hội
nghị lần thứ 19 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 về
kinh tế - xã hội, tài chính - ngân sách và đầu tư công;*

*Xét Báo cáo số 174/BC-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 và dự
kiến kế hoạch năm 2023, Báo cáo thẩm tra số 932/BC-KTNS ngày 06 tháng 12
năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo
luận và kết quả biểu quyết của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 với các nội dung sau:

1. Tổng nguồn vốn đầu tư công kế hoạch năm 2023 là **12.006.358 triệu đồng**, bao gồm:

1.1. Vốn ngân sách địa phương là 9.559.258 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách tập trung là 588.258 triệu đồng;
- Nguồn thu từ tiền sử dụng đất là 8.950.000 triệu đồng;
- Nguồn thu tiền xổ số kiến thiết là 21.000 triệu đồng;

1.2. Vốn ngân sách Trung ương là 2.447.100 triệu đồng.

(Phụ lục số I chi tiết kèm theo).

2. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023

- Việc bố trí vốn ngân sách nhà nước năm 2023 phải đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 29/2021/QH15 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Nghị quyết số 973/NQ-UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 ngày 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Việc xây dựng kế hoạch phù hợp với các quy định của pháp luật và khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong năm; phù hợp với phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

- Việc xây dựng kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án.

- Bố trí vốn theo đúng thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 973/NQ-UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 365/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2021 của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên, cụ thể:

(1) Bố trí đủ vốn cho các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định tại tiết đ điểm 1.2 khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15;

(2) Bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có);

(3) Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2022;

(4) Bố trí đủ vốn ngân sách nhà nước năm 2023 cho các dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2023 theo quy định về thời gian bố trí vốn;

(5) Bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch;

(6) Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được duyệt và quy định về thời gian bố trí vốn;

(7) Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ, dự án theo thứ tự ưu tiên nêu trên mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới đã có đủ thủ tục đầu tư.

- Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2022 và tương ứng với cơ cấu từng nguồn vốn của dự án, đồng thời không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao cho dự án trừ đi số vốn đã giải ngân năm 2021 (bao gồm: số vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2022) và kế hoạch đã bố trí năm 2022 và tương ứng với từng nguồn vốn của dự án.

3. Phương án phân bổ

Tổng nguồn vốn đầu tư công kế hoạch năm 2023 là **12.006.358 triệu đồng** thực hiện phân bổ như sau:

3.1. Nguồn vốn đầu tư công cấp tỉnh quản lý là **7.237.458 triệu đồng**

a) Nguồn vốn ngân sách Trung ương là **2.447.100 triệu đồng**

- Phân bổ cho 02 dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội 126.000 triệu đồng (phân bổ cho dự án sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư và được Thủ tướng Chính phủ quyết định giao kế hoạch vốn);

- Phân bổ cho 02 dự án quan trọng quốc gia và liên kết vùng 2.070 tỷ đồng, trong đó: phân bổ cho Dự án thành phần Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 4 Vùng thủ đô Hà Nội, số vốn 1.870 tỷ đồng sau khi dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định;

- Phân bổ 03 dự án chuyển tiếp theo tiến độ 251.100 triệu đồng.

(Phụ lục số II chi tiết kèm theo)

b) Nguồn vốn ngân sách địa phương là **4.790.358 triệu đồng**, gồm:

- Nguồn ngân sách tập trung là 448.858 triệu đồng, phân bổ cho các dự án hoàn thành, dự án chuyển tiếp.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất là 4.320.500 triệu đồng, phân bổ chi tiết:

+ Chi trả lãi vốn vay thực hiện Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn và Dự án năng lượng nông thôn 2 số vốn là 5.000 triệu đồng;

+ Cấp vốn ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Hưng Yên để thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách số vốn là 40.000 triệu đồng;

+ Bổ sung vốn cho Quỹ phát triển đất là 100.000 triệu đồng;

+ Đầu tư các dự án hoàn thành, dự án chuyển tiếp là 1.097.904 triệu đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Đề án kinh tế vùng bãi là 1.140.472 triệu đồng; các dự án khởi công mới đã có quyết định đầu tư là 312.000 triệu đồng;

+ Số vốn còn lại là 1.625.124 triệu đồng, phân bổ cho các dự án sau khi được các cấp quyết định đầu tư công trình, dự án và có đủ căn cứ phân bổ vốn, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và cho ý kiến theo quy định;

- Nguồn thu từ xổ số kiến thiết: 21.000 triệu đồng, phân bổ các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo.

(Phụ lục số III, IV chi tiết kèm theo).

3.2. Nguồn vốn đầu tư công cấp huyện, cấp xã quản lý là **4.768.900 triệu đồng**

- Nguồn ngân sách tập trung phân cấp cho cấp huyện theo Nghị quyết số 365/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, số vốn là 139.400 triệu đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về cấp huyện, cấp xã quản lý là 4.629.500 triệu đồng, trong đó: cấp huyện quản lý là 3.124.000 triệu đồng; cấp xã quản lý là 1.505.500 triệu đồng, do cấp huyện, cấp xã phân bổ cho các công trình, dự án thuộc phạm vi quản lý, có trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và đảm bảo nguyên tắc phân bổ vốn tại Mục 2 nêu trên.

(Phụ lục số V chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Trong đó, các nội dung về việc điều chỉnh danh mục và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023, phân bổ chi tiết một số nguồn vốn bổ sung, tăng thu (nếu có); các nguồn vốn chưa có phương án phân bổ chi tiết nguồn sử dụng đất, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm đề nghị UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo thẩm quyền để xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm đến ngày 31/01 năm sau theo quy định tại khoản 2 điều 68 Luật Đầu tư công, nhưng đến hết thời gian quy định việc thực hiện và giải ngân của năm ngân sách mà chưa đảm bảo tiến độ hoặc bất khả kháng. UBND tỉnh chỉ đạo tổng hợp các dự án đủ điều kiện tiếp tục kéo dài theo Điều 48 Nghị định 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ để báo cáo theo quy định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVII, Kỳ họp thứ Mười một nhất trí thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, thị xã, TP;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Quốc Toàn

PHỤ LỤC SỐ I

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 TỈNH HƯNG YÊN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG SỐ	12.006.358	
I	Phân theo nguồn vốn	12.006.358	
1	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	9.559.258	
-	Vốn ngân sách tập trung	588.258	
-	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	8.950.000	
-	Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết	21.000	
2	Vốn ngân sách trung ương	2.447.100	
	<i>Trong đó:</i>		
-	<i>Thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>	<i>126.000</i>	
-	<i>Đầu tư cho dự án trọng điểm, kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững</i>	<i>2.070.000</i>	
II	Phân theo cấp ngân sách	12.006.358	
1	Cấp tỉnh quản lý	7.237.458	
-	Ngân sách tập trung tỉnh quản lý	448.858	
-	Nguồn thu xổ số kiến thiết	21.000	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất	4.320.500	
-	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực	2.447.100	
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>	<i>126.000</i>	
+	<i>Đầu tư cho dự án trọng điểm, kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững</i>	<i>2.070.000</i>	
2	Cấp huyện quản lý	3.263.400	
-	NS tập trung phân cấp cho cấp huyện quản lý	139.400	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất giao đầu năm	3.124.000	
3	Cấp xã quản lý (nguồn thu tiền sử dụng đất)	1.505.500	

Được



PHỤ LỤC SỐ II
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023
TỈNH HƯNG YÊN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn NSTW năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ		2.447.100	
A	ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN		2.321.100	
	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		2.321.100	
I	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023			
a	Dự án nhóm B			
1	Dự án Đường vành đai V vùng thủ đô Hà Nội trên địa phận tỉnh Thái Bình với QL38 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	2714/QĐ-UBND ngày 21/11/2016; 2586/QĐ-UBND ngày 26/9/2017; 1522/QĐ-UBND ngày 09/7/2020	46.892	
II	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023			
a	Dự án nhóm A			
1	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên kéo dài, đoạn qua địa phận tỉnh Hưng Yên	1848/QĐ-UBND ngày 04/8/2021	200.000	
III	Dự án nhóm B			
1	Dự án xây dựng đường trục ngang kết nối QL.39 (Km22+550) với ĐT.376	1225/QĐ-UBND ngày 27/5/2021	60.000	
2	Đầu tư xây dựng ĐT.382B nhánh phải (Km0+00-Km14+420 giao QL.39)	2736/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	144.208	
IV	Các dự án khởi công mới năm 2023			
	Dự án quan trọng quốc gia			
1	Dự án thành phần 1.2 của Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Vùng thủ đô Hà Nội: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm hệ thống đường cao tốc, đường song hành (đường đô thị), hạ tầng kỹ thuật và hành lang dự trữ đường sắt quốc gia) thuộc địa phận tỉnh Hưng Yên	56/2022/QH15	1.870.000	
B	THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI		126.000	
	LĨNH VỰC Y TẾ		126.000	
	Các dự án khởi công mới năm 2023			
1	Đầu tư xây mới, nâng cấp, mở rộng 40 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Hưng Yên	284/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	106.000	
2	Đầu tư mua sắm trang thiết bị 155 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Hưng Yên	283/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	20.000	

B. Hưng

PHỤ LỤC SỐ III
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 TỈNH HUNG YÊN
(Nguồn vốn ngân sách tập trung, nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn XSKT)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/ Quyết định CTĐT	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:			
				NSTT	Nguồn đất	XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ		4.790.358	448.858	4.320.500	21.000	
A	ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN		3.120.234	448.858	2.650.376	21.000	
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		1.396.218	365.358	1.030.860	-	
a	Dự án đã cơ bản hoàn thành		4.500	-	4.500	-	
	Dự án nhóm C						
1	Đầu tư xây dựng công trình đường trục xã Bảo Khê giai đoạn 2 (đoạn từ ngã tư trường THCS Bảo Khê đến đường vào nhà máy xử lý nước thải HY1)	2406/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	4.500		4.500		
b	Dự án chuyển tiếp		1.193.718	365.358	828.360	-	
	Dự án nhóm A						
1	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên tỉnh Hà Nội – Hưng Yên kéo dài, đoạn qua địa phận tỉnh Hưng Yên	1848/QĐ-UBND ngày 04/8/2021	500.000		500.000		
	Dự án nhóm B						
1	Dự án cải tạo, nâng cấp ĐT.385 Km7+750 - Km16+370 (Độc Nghĩa -Lương Tài)	1711/QĐ-UBND ngày 08/08/2019	15.000	15.000			
2	Xây dựng đường bên của tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội- Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, đoạn qua địa phận tỉnh Hưng Yên	2172/QĐ-UBND ngày 14/9/2021	174.000	70.000	104.000		
3	Đầu tư xây dựng ĐT.382B nhánh phải (Km0+00-Km14+420 giao QL.39)	2736/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	11.000		11.000		
4	Cải tạo, nâng cấp đường từ ĐT.378 đi qua Vụng Quạ đến đình làng Hạ Đồng, xã Nguyễn Hòa, huyện Phù Cừ	3961/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	2.588	2.588			
5	Cải tạo, nâng cấp đường phía Tây sông Điện Biên (đoạn từ đường Chùa Diêu đến hết địa phận thành phố Hưng Yên)	2588/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	30.000		30.000		
6	Xây dựng đường giao thông liên xã Hồng Nam - Liên Phương - Phương Chiêu (đoạn từ đường Lê Đình Kiên đến đường nối hai đường cao tốc)	2589/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	21.000		21.000		
7	Đường giao thông liên xã Phú Cường - Hùng Cường (đoạn từ thôn Tân Mỹ 2, xã Phú Cường đến đê bồi xã Hùng Cường)	2591/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	15.000		15.000		
8	Cải tạo mở rộng đường trục trung tâm đoạn từ nút giao bốn xe đến ĐT.387	2818/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	30.000	30.000			
9	Xây dựng tuyến đường từ QL.39 đến ĐH.42 kéo dài, huyện Yên Mỹ	2714/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	30.000	30.000			
10	Dự án đường ĐH.34 kéo dài từ điểm giao QL.5 đến giao ĐT.376	122/QĐ-UBND ngày 11/01/2022	25.000	25.000			
11	Cải tạo, nâng cấp ĐT.376 đoạn từ địa phận xã Ngọc Long (Km6+050) đến địa phận xã Tân Việt (Km12+200)	99/QĐ-UBND ngày 12/01/2022	60.000	60.000			
12	Cải tạo, nâng cấp ĐH.75 huyện Kim Động	2684/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	10.000	10.000			
13	Xây dựng ĐT.377 (đường quy hoạch mới), đoạn từ điểm giao với ĐH.73 đến điểm giao với ĐT.376	143/QĐ-UBND ngày 17/01/2022	75.000		75.000		
14	Cải tạo, nâng cấp ĐT.385 (đoạn từ Km3+150 đến Km 7+750)	2755/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	40.000	40.000			
15	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.380 đoạn Km0+000 - Km2+800	2722/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	14.000	14.000			
16	Xây dựng ĐH.15 (đoạn từ Công ty Acecook đến cụm công nghiệp Minh Khai)	2758/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	33.000	33.000			
17	Cải tạo, nâng cấp ĐT.387 đoạn Km0+080 - Km2+843	2728/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	20.000		20.000		
	Dự án nhóm C						
1	Đường nối ĐH.45 xã Đồng Than với ĐT.376 xã Ngọc Long	1229/QĐ-UBND ngày 27/5/2021	2.600	2.600			
2	Tuyến tránh QL.38B qua địa phận huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên (đoạn từ vị trí giáp ranh giữa 2 xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ và xã Đình Cao, huyện Phù Cừ đến ĐH.80)	2783/QĐ-UBND ngày 16/12/2019; 3591/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	600		600		

B. Minh

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/ Quyết định CTĐT	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:			
				NSTT	Nguồn đất	XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8
3	Đầu tư xây dựng công trình ĐH.42 kéo dài, huyện Yên Mỹ (đoạn từ ĐH.34 đến ĐT.376)	2790/QĐ-UBND ngày 27/11/2020	12.000		12.000		
4	Đầu tư xây dựng tuyến đường ĐH.22 kéo dài từ ĐH.23 đến ĐT.379	525/QĐ-UBND ngày 22/02/2022	8.000	8.000			
5	Cải tạo, nâng cấp ĐT.379B đoạn nút giao ĐT.379 đến nút giao ĐH.23, huyện Văn Giang	2759/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	1.500	1.500			
6	Xây dựng cầu Động Xá thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động	2747/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	4.000	4.000			
7	Xây dựng đường giao thông từ QL.39 (chân cầu vượt Phố Nội) qua tổ dân cư phố Đào Du (phường Phùng Chí Kiên)	903/QĐ-UBND ngày 20/4/2022	5.000	5.000			
8	Cải tạo, nâng cấp ĐH.65, huyện Ân Thi (đoạn từ Nghĩa trang Liệt sỹ xã Cẩm Ninh đến thôn Mão Xuyên, xã Nguyễn Trãi)	2652/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	410	410			
9	Xây dựng Cầu Trà Phương bắc qua sông Cửu Yên (Cửu An) nối từ xã Hồng Quang sang xã Hồng Vân, huyện Ân Thi	2718/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	500	500			
10	Cải tạo, nâng cấp ĐH.60, huyện Ân Thi (đoạn từ Km0+500 đến Km3+500)	2715/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	260	260			
11	Cải tạo, nâng cấp ĐH.61 đoạn từ giao ĐT.384 đến trạm bơm Tam Đô xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi	2731/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	3.500		3.500		
12	Cải tạo, nâng cấp ĐT.376 (đoạn từ Km0+00 đến Km2+300)	2738/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	9.000	9.000			
13	Đường trong cụm công nghiệp Tân Quang, huyện Văn Lâm (đoạn từ Công ty Hoàng Kim Hưng đến Công ty Cao su Giải Phóng)	973/QĐ-UBND ngày 29/4/2022	10.000		10.000		
14	Nâng cấp, mở rộng đường nối từ Trung tâm giáo dục thường xuyên đến ngã ba bưu điện huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	2739/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	4.500	4.500			
15	Đầu tư xây dựng đường trục phường Bạch Sơn, thị xã Mỹ Hào (đoạn từ QL.5A đến đường trục trung tâm đô thị Mỹ Hào)	2663/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 1589/QĐ-UBND ngày 26/7/2019	15.500		15.500		
16	Cải tạo, nâng cấp ĐH.51 (đoạn từ bến đò Phương Trù đến ĐT.378)	5885/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	10.760		10.760		
c	Dự án khởi công mới năm 2023		198.000	-	198.000	-	
	Dự án nhóm B						
1	Đường kết nối ĐT.387 với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (Km31+100)	1279/QĐ-UBND ngày 14/6/2022	160.000		160.000		
	Dự án nhóm C						
1	Xây dựng đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hưng Yên (Đoạn từ đường Chu Mạnh Chinh đến khu nhà ở thương mại Phúc Hưng)	2756/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	18.000		18.000		
2	Cải tạo, nâng cấp ĐH.20 đoạn từ ĐT.379B đến ĐH.22, huyện Văn Giang	2475/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	20.000		20.000		
3	Đường giao thông xã Trung Nghĩa (đoạn từ sông Đổng Lỗ đến khu dân cư mới xã Trung Nghĩa)	255/NQ-HĐND ngày 30/8/2022					
4	Đường giao thông An Tào - Trung Nghĩa (đoạn từ sông Điện Biên đến sông Tân An)	254/NQ-HĐND ngày 30/8/2022					
5	Xây dựng cầu Đổng Lương trên tuyến ĐH.72 huyện Kim Động	271/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
6	Xây dựng cầu Phú Cốc, xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động	273/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
7	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.66 (đoạn từ ĐT.376 cũ đến ĐH.63)	269/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
8	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Đào Dương (đoạn từ giao ĐH.61 tại thôn Phần Lâm đến giao ĐT.384 tại thôn Đào Xá)	272/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.20 (từ cầu Tráng Vũ đến hết địa phận xã Đổng Than, huyện Yên Mỹ)	267/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
10	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến đường vào Trường bản, xã Hiệp Cường, huyện Kim Động	274/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
11	Dự án đầu tư xây dựng đường gom dọc phía nam quốc lộ 5A, đoạn từ Km18+280 - Km20+180; Km29+680 - Km31+880						
12	Xây dựng cầu Mụa trên ĐH.70						

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/ Quyết định CTĐT	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:			
				NSTT	Nguồn đất	XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8
13	Xây dựng cầu Diêm xã Minh Phương, trên đường ĐH.92 huyện Tiên Lữ						
14	Xây dựng mở rộng cầu Phố Giác, huyện Tiên Lữ						
15	Xây dựng tuyến đường nối từ QL.38B (đoạn qua địa phận xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ) đến đường ĐH.82 huyện Phù Cừ						
16	Giải pháp đảm bảo an toàn giao thông nút giao đường ĐH.18 với QL.5 tại Km13+500						
17	Xây dựng cầu Ngọc Quỳnh 2 trên đường trục thị trấn Như Quỳnh						
18	Xây dựng đường QH.02 (đoạn từ QL.38 cũ đến đường QH.04, huyện Ân Thi)						
II	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN; THỦY LỢI		1.233.859	-	1.233.859	-	
a	Dự án chuyển tiếp		45.387	-	45.387	-	
	<i>Dự án nhóm B</i>						
1	Dự án Hệ thống thủy lợi vùng chuyên canh cây nhãn, cây vải tỉnh Hưng Yên (vốn cấp qua Bộ NN&PTNT)	4416/QĐ-BNN-TCTL ngày 28/10/2016; 3213/QĐ-BNN-TCTL ngày 18/8/2020	704		704		
	<i>Dự án nhóm C</i>						
1	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm không ống cột nước thấp Đầm Sen, huyện Yên Mỹ	2752/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	997		997		
2	Cải tạo, nạo vét và kè một số đoạn trên sông Ngưu Giang	2695/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	995		995		
3	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T11, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	2732/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	5.700		5.700		
4	Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Ngọc Lâm, thị xã Mỹ Hào	256/QĐ-UBND ngày 25/01/2022	17.000		17.000		
5	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Đồng Lý, huyện Kim Động	243/QĐ-UBND ngày 24/01/2022	2.300		2.300		
6	Trạm bơm không ống cột nước thấp tiêu, tưới Mai Viên, huyện Kim Động	59/QĐ-UBND ngày 11/01/2022	997		997		
7	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm không ống cột nước thấp Chợ Thi, huyện Ân Thi	2751/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	999		999		
8	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm không ống cột nước thấp Phúc Bồ, thị xã Mỹ Hào	2786/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	997		997		
9	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Hoàng Nha, huyện Văn Lâm	244/QĐ-UBND ngày 24/01/2022	6.000		6.000		
10	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng và hệ thống kênh thủy lợi phục vụ chống úng vùng nông nghiệp chuyên đổi xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động	2723/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	1.000		1.000		
11	Cải tạo, kè gia cố mái kênh trung thủy nông Nhân Hòa, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên (đoạn từ cầu Lương đến cầu Dầu phường Bạch Sam)	2719/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	1.000		1.000		
12	Trạm bơm tiêu không ống cột nước thấp Văn Giang II, huyện Yên Mỹ	2796/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	999		999		
13	Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	248/QĐ-UBND ngày 24/01/2022	1.500		1.500		
14	Nạo vét, kè và xây cống trên sông Mỏ Quạ, huyện Kim Động	2733/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	3.200		3.200		
15	Xây dựng trạm bơm không ống cột nước thấp Ba Đông, huyện Phù Cừ	58/QĐ-UBND ngày 11/01/2022	999		999		
c	Dự án khởi công mới năm 2023		48.000	-	48.000	-	
	<i>Dự án nhóm B</i>						
1	Cải tạo, nâng cấp đê tả sông Hồng, tỉnh Hưng Yên (đoạn từ K117+900 đến K127+000)	248/NQ-HĐND ngày 30/8/2022					
2	Cải tạo, nạo vét và kè mái kênh Trần Thành Ngọ, tỉnh Hưng Yên	247/NQ-HĐND ngày 30/8/2022					
3	Xây dựng đường và kè trung thủy nông Nhân Hoà, kênh trạm bơm Phú Hữu từ tổ dân phố Lỗ Xá (phường Nhân Hoà) đến trục quy hoạch Bắc Nam (xã Cẩm Xá), thị xã Mỹ Hào						
	<i>Dự án nhóm C</i>						



Nguyễn

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/ Quyết định CTĐT	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:			
				NSTT	Nguồn đất	XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm không ống cột nước thấp Hồng Vân, huyện Ân Thi	1366/QĐ-UBND ngày 24/6/2022	14.000		14.000		
2	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm không ống cột nước thấp Trung Đạo	2457/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	14.000		14.000		
3	Cải tạo, kè mái sông S6-1 huyện Kim Động	2773/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	10.000		10.000		
4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh sau đầu mỗi trạm bơm Cầu Đùng, huyện Yên Mỹ	2651/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	10.000		10.000		
e	Đề án phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế vùng bãi tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025		9.631		9.631		
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT tại 03 xã: Thăng Lợi - huyện Văn Giang; Tân Châu - huyện Khoái Châu và Nguyễn Hòa - huyện Phù Cừ	2625/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	1.631		1.631		
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn tại 04 xã: Đông Ninh, huyện Khoái Châu; Hùng An, huyện Kim Động; Hoàng Hanh, thành phố Hưng Yên và Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ theo Đề án phát triển kinh tế vùng bãi	2261/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	8.000		8.000		
f	Vốn các công trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia;		1.130.841		1.130.841		
III	LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ; PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH		25.000	25.000	-	-	
	Dự án chuyển tiếp		25.000	25.000	-	-	
	Dự án nhóm B						
1	Trường quay đa năng và các hạng mục phụ trợ Đài phát thanh và Truyền hình Hưng Yên	2685/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	25.000	25.000			
b	Dự án khởi công mới		-	-	-	-	
	Dự án nhóm B						
1	Dự án chuyển đổi số trong lĩnh vực đất đai						
	Dự án nhóm C						
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2022-2025						
2	Dự án chuyển đổi số ngành tài chính						
IV	LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP		67.028	20.000	26.028	21.000	
a	Dự án hoàn thành		28	-	28	-	
	Dự án nhóm C						
1	Xây dựng Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên (giai đoạn I)	2151/QĐ-UBND ngày 29/10/2010; 2184/QĐ-UBND ngày 23/9/2022	28		28		
b	Dự án chuyển tiếp		20.000	20.000	-	-	
	Dự án nhóm C						
1	Xây dựng nhà hiệu bộ, nhà lớp học và các công trình phụ trợ trường THPT Nam Phù Cừ	630/QĐ-UBND ngày 08/3/2022	8.000	8.000			
2	Nhà hiệu bộ kết hợp một số phòng học Trường THPT Văn Lâm	2782/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	1.500	1.500			
3	Nhà lớp học 12 phòng Trường THPT Đức Hợp, Kim Động	2735/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	1.500	1.500			
4	Nhà hiệu bộ và nhà lớp học Trường THPT Trưng Vương	2702/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	5.000	5.000			
5	Nhà lớp học phổ thông Trường Cao đẳng Cộng đồng Hưng Yên	2821/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	4.000	4.000			
c	Nguồn xố số kiến thiết hỗ trợ		24.000	-	3.000	21.000	
1	Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng học bộ môn và 04 phòng học lý thuyết trường THPT Vĩnh Xá, huyện Kim Động	2089/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	6.000			6.000	
2	Nhà lớp học 12 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học xã Minh Phương, huyện Tiên Lữ	2683/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	6.000			6.000	
3	Nhà lớp học 03 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Hoàng Lê, thành phố Hưng Yên	1025/QĐ-UBND ngày 09/5/2022	3.000		3.000		
4	Nhà lớp học 03 tầng 12 phòng Trường Tiểu học xã Việt Cường, huyện Yên Mỹ	2777/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	3.000			3.000	
5	Xây dựng 12 phòng học trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hàm Tử, huyện Khoái Châu	1848/QĐ-UBND ngày 18/8/2022	3.000			3.000	
6	Nhà lớp học 12 phòng và hạng mục phụ trợ Trường THPT xã Đại Đồng, Văn Lâm	2807/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	3.000			3.000	

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/ Quyết định CTĐT	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:			
				NSTT	Nguồn đất	XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8
d	Dự án khởi công mới năm 2023		23.000	-	23.000	-	
	Dự án nhóm B						
1	Mua sắm thiết bị dùng chung lớp 2, lớp 6 và phòng học ngoại ngữ đa năng thuộc Đề án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025	143/NQ-HĐND ngày 16/9/2021					
2	Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên (giai đoạn II)	295/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
3	Xây dựng Trường THCS xã Việt Cường, huyện Yên Mỹ	300/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
4	Hỗ trợ xây dựng công trình Trường tiểu học Phùng Chí Kiên						
	Dự án nhóm C						
1	Nhà lớp học, một số phòng chức năng và sân đường Trường THPT Phù Cừ	1858/QĐ-UBND ngày 18/8/2022	10.000		10.000		
2	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và một số hạng mục phụ trợ trường THCS và THPT Hoàng Hoa Thám	1320/QĐ-UBND ngày 20/6/2022	13.000		13.000		
4	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Đồng Than	203/NQ-HĐND ngày 26/4/2022					
5	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ, trường Mầm non xã Trung Hòa, huyện Yên	204/NQ-HĐND ngày 26/4/2022					
6	Trường trung học phổ thông Ân Thi - hạng mục nhà lớp học 3 tầng 15 phòng và công trình phụ trợ	205/NQ-HĐND ngày 26/4/2022					
7	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 15 phòng, sửa chữa nhà lớp học và một số hạng mục phụ trợ khác trường THPT Văn Giang	207/NQ-HĐND ngày 26/4/2022					
8	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng Trường THPT Văn Lâm, huyện Văn Lâm	282/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
9	Xây dựng nhà lớp học kết hợp một số phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học Như Quỳnh, điểm trường thôn Ngô Xuyên, huyện Văn Lâm	297/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
10	Xây dựng Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Trung Trắc, huyện Văn Lâm	298/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
11	Nhà đa năng Trường THPT Trần Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ	279/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
12	Nhà lớp học kết hợp một số phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Tiên Lữ, huyện Tiên Lữ	281/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
13	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THCS Bắc Sơn, huyện Ân Thi	299/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
14	Nhà lớp học, phòng tổ bộ môn, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Nguyễn Trung Ngạn, huyện Ân Thi	285/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
15	Nhà hiệu bộ kết hợp phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Mỹ Hào, thị xã Mỹ Hào	294/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
16	Nhà tổ bộ môn, khu luyện tập thể thao có mái che và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ	291/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
17	Nhà lớp học bộ môn kết hợp một số phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Minh Châu, huyện Yên Mỹ	293/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
18	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Trần Quang Khải, huyện Khoái Châu	289/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
19	Nhà lớp học, thư viện và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Dương Quảng Hàm, huyện Văn Giang	286/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
20	Nhà lớp học, một số phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Kim Động, huyện Kim Động	287/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
21	Xây dựng một số phòng học, phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Triệu Quang Phục, huyện Yên Mỹ	290/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
22	Nhà lớp học 4 tầng và một số hạng mục phụ trợ Trường THCS Tân Việt, huyện Yên Mỹ	296/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/ Quyết định CTĐT	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:			
				NSTT	Nguồn đất	XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8
23	Xây mới nhà đa năng, nhà vệ sinh học sinh và cải tạo nhà lớp học 3 tầng Trường THPT Đức Hợp, huyện Kim Động	292/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
24	Nhà lớp học, một số phòng chức năng và sân đường Trường THPT Phạm Ngũ Lão, huyện Ân Thi	288/NQ-HĐND ngày 10/10/2022					
25	Nhà lớp học bộ môn trường THPT Khoái Châu - cơ sở 1						
26	Nhà lớp học 2 tầng 14 phòng Trường THCS xã Đào Dương						
27	Trường THPT Hưng Yên, TP Hưng Yên (hạng mục: Nhà lớp học bộ môn, nhà lớp học 3 tầng 15 phòng và công trình phụ trợ)						
28	Trường THPT Nguyễn Siêu, huyện Khoái Châu (Hạng mục: Xây dựng mở rộng nhà lớp học bộ môn và Bảo dưỡng, sửa chữa nhà lớp học)						
29	Xây dựng trường mầm non trung tâm xã Hưng						
V	LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		70.326	24.500	45.826	-	
a	Dự án hoàn thành		639	-	639	-	
	Dự án nhóm C						
1	Xây dựng, nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa Phố Nối tỉnh Hưng Yên (giai đoạn II)						
	- Hạng mục: Khối tổng hợp No,24, nhà đại thể N0.27, sân đường, bồn hoa nội bộ, cấp thoát nước ngoài khu vực đã xây dựng và khối nội tổng hợp No.25 thuộc dự án Xây dựng, nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa Phố Nối tỉnh Hưng Yên (giai đoạn II)	2137/QĐ-UBND ngày 21/10/2009; 2376/QĐ-UBND ngày 21/8/2017	91		91		
	- Hạng mục: Xây dựng nhà thường trực (N0.16), bể nước ngầm, trạm bơm (N0,21, N0,22), sân đường bốn cây nội bộ, cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy, cấp điện và chiếu sáng ngoài nhà (phần còn lại của dự án) thuộc dự án Xây dựng, nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa Phố Nối tỉnh Hưng Yên (giai đoạn II)	2137/QĐ-UBND ngày 21/10/2009; 2615/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	137		137		
	- Hạng mục: Khối nhà kỹ thuật nghiệp vụ 2 (N0.03B) và khối nhà cầu (N0.30F, H, M) thuộc dự án Xây dựng, nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa Phố Nối tỉnh Hưng Yên (giai đoạn II)	2137/QĐ-UBND ngày 21/10/2009; 2616/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	362		362		
	- Hạng mục: Khoa giải phẫu bệnh lý (N0.07) thuộc dự án Xây dựng, nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa Phố Nối tỉnh Hưng Yên (giai đoạn II)	2137/QĐ-UBND ngày 21/10/2009; 2617/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	49		49		
b	Dự án chuyển tiếp		39.687	24.500	15.187	-	
	Dự án nhóm B						
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên (giai đoạn 1)	2721/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	24.500	24.500			
	Dự án nhóm C						
1	Cải tạo, nâng cấp mở rộng bệnh viện bệnh nhiệt đới, trực thuộc Sở Y tế	2510/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	11.000		11.000		
2	Cải tạo, sửa chữa khối nhà bát giác và nhà cầu nổi khối bát giác với khối điều trị tổng hợp - Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Hưng Yên	762/QĐ-UBND ngày 29/3/2022	1.832		1.832		
3	Bệnh viện Tâm thần kinh - Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa nhà khám bệnh, nhà phục hồi chức năng, nhà nghỉ cán bộ công nhân viên, cổng và tường rào, sân đường nội bộ	259/QĐ-UBND ngày 25/01/2022	556		556		
4	Khoa khám bệnh - Bệnh viện Phổi Hưng Yên	420/QĐ-UBND ngày 11/02/2022	1.799		1.799		
c	Dự án khởi công mới năm 2023		30.000	-	30.000	-	
	Dự án nhóm B						
1	Nhà kỹ thuật nghiệp vụ và cấp cứu Trung tâm y tế huyện Yên Mỹ	253/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	-				
2	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Văn Giang	280/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	-				
3	Xây dựng khối nhà làm việc và điều trị bệnh nhân truyền nhiễm, Trung tâm y tế thị xã Mỹ Hào		-				
4	Hệ thống thu gom xử lý nước thải y tế cho các cơ sở y tế năm 2022-2023		-				

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/ Quyết định CTĐT	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:			
				NSTT	Nguồn đất	XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8
	Dự án nhóm C						
1	Nhà khám và điều trị ngoại trú cùng một số hạng mục phụ trợ, Trung tâm Y tế huyện Tiên Lữ	2656/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	10.000		10.000		
2	Nhà khám bệnh ngoại trú kết hợp khối hành chính, Trung tâm Y tế huyện Kim Động	2653/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	20.000		20.000		
3	Nhà hành chính, khám và điều trị Trung tâm y tế huyện Ân Thi	200/NQ-HĐND ngày 26/4/2022	-				
4	Khởi hành chính quản trị, nhà cầu và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Hưng Yên	277/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	-				
5	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế huyện Văn Lâm	278/NQ-HĐND ngày 10/10/2022	-				
6	Xây dựng Nhà chẩn đoán hình ảnh - xét nghiệm, Nhà hành chính - hội trường và Nhà phẫu thuật/Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu		-				
7	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế thành phố Hưng Yên		-				
VI	LĨNH VỰC VĂN HÓA, XÃ HỘI						
a	Dự án chuyên tiếp						
	Dự án nhóm B						
1	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm Cây đa và đền La Tiến, xã Nguyên Hòa, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	181/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	15.790		15.790		
	Dự án nhóm C						
1	GPMB mở rộng Văn Miếu Xích Đằng, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	2464/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	28.000		28.000		
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hưng Yên	2576/QĐ-UBND ngày 26/9/2017; 2606/QĐ-UBND ngày 26/10/2018; 2245/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	496		496		
3	Cải tạo, nâng cấp Cơ sở Điều trị nghiện ma túy tỉnh Hưng Yên	1592/QĐ-UBND ngày 09/7/2018; 1382/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	1.448		1.448		
4	Xây dựng khu di tích Nguyễn Thiện Thuật, xã Xuân Dục, huyện Mỹ Hào	1281/QĐ-UBND ngày 07/6/2019; 3474/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	5.800		5.800		
b	Dự án khởi công mới năm 2023						
	Dự án nhóm B						
1	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm huyện Khoái Châu	81/NQ-HĐND ngày 16/9/2021					
	Dự án nhóm C						
1	Nhà thư viện 4 tầng - Thư viện tỉnh Hưng Yên	999/QĐ-UBND ngày 05/5/2022	13.000		13.000		
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Phục Lễ, xã Hùng An, huyện Kim Động	240/NQ-HĐND ngày 30/8/2022					
3	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Bình Phú, xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ	237/NQ-HĐND ngày 30/8/2022					
4	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Cù Tu, xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi	241/NQ-HĐND ngày 30/8/2022					
5	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử Phù Đĩnh, xã Minh Phượng, huyện Tiên Lữ	245/NQ-HĐND ngày 30/8/2022					
6	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Đại Đồng (Tam Giang), xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm	238/NQ-HĐND ngày 30/8/2022					
7	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Đan, xã Hồng Vân, huyện Ân Thi	244/NQ-HĐND ngày 30/8/2022					
8	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Khúc Lộng, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang	239/NQ-HĐND ngày 30/8/2022					
9	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Hàm Tử, xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu	235/NQ-HĐND ngày 30/8/2022					
10	Tu bổ, tôn tạo di tích Văn chi Bình Dân – Đình Bình Dân, xã Tân Dân, huyện Khoái Châu	246/NQ-HĐND ngày 30/8/2022					
11	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Trà Phương, xã Hồng Vân, huyện Ân Thi	243/NQ-HĐND ngày 30/8/2022					
12	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Cửu Cao, xã Cửu Cao, huyện Văn Giang	236/NQ-HĐND ngày 30/8/2022					



 Trung

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/ Quyết định CTĐT	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:			
				NSTT	Nguồn đất	XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8
13	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình An Tảo, xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ	242/NQ-HĐND ngày 30/8/2022					
VII	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI		10.269	-	10.269	-	
	Dự án chuyển tiếp		10.269	-	10.269	-	
	Dự án nhóm C						
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Sở Nội vụ	2962/QĐ-UBND ngày 21/12/2021	1.990		1.990		
2	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Sở Khoa học và Công nghệ	2789/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	1.380		1.380		
3	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Tư Pháp	2823/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	1.900		1.900		
4	Cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Sở Giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên	2822/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	1.500		1.500		
5	Cải tạo, nâng cấp Trụ Sở làm việc Ban QLDA đầu tư công trình giao thông - xây dựng	2726/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	3.499		3.499		
c	Dự án khởi công mới		-	-	-	-	
	Dự án nhóm C						
1	Cải tạo nâng cấp nhà kho lưu trữ và nhà ăn liên cơ quan Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hưng Yên						
2	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 4 tầng - Trụ sở làm việc Sở Xây dựng						
3	Cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Sở Y tế Hưng Yên						
4	Cải tạo nhà làm việc 4 tầng, Trụ sở Toà soạn Báo Hưng Yên						
5	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh						
6	Dự án sửa chữa, cải tạo trụ sở Sở Tài chính						
7	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc các ban Đảng tỉnh						
8	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở làm việc Tỉnh đoàn Hưng Yên						
VIII	LĨNH VỰC QUY HOẠCH		14.000	14.000	-	-	
	Dự án hoàn thành		14.000	14.000	-	-	
	Dự án nhóm C						
1	Lập quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	2218/QĐ-UBND ngày 22/9/2020	14.000	14.000			
IX	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG		9.000	-	9.000	-	
	Dự án chuyển tiếp		9.000	-	9.000	-	
	Dự án nhóm B						
1	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên - Trung đoàn KTT 126 (giai đoạn I)	2339/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	9.000		9.000		
b	Dự án khởi công mới		-	-	-	-	
	Dự án nhóm B						
1	Công trình CBA1-18 tỉnh Hưng Yên	264/NQ-HĐND ngày 30/8/2022					
X	LĨNH VỰC AN NINH VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN, XÃ HỘI		20.000	-	20.000	-	
	Dự án chuyển tiếp		20.000	-	20.000	-	
	Dự án nhóm B						
1	Xây dựng nhà trực ban doanh trại; nhà tiếp dân, kho tàng thư và các hạng mục phụ trợ - Công an tỉnh Hưng Yên	3148/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	20.000		20.000		
c	Dự án khởi công mới		-	-	-	-	
	Dự án nhóm B						
1	Đầu tư xây dựng lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh và an toàn trật tự xã hội giao thông trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2						
2	Dự án mua sắm 03 xe chữa cháy kèm phương tiện, thiết bị chữa cháy đồng bộ						
3	Dự án cơ sở làm việc công an xã, thị trấn						
XI	CÁC DỰ ÁN KHU ĐẠI HỌC PHỐ HIẾN		100.000	-	100.000	-	
a	Dự án hoàn thành		5.000	-	5.000	-	
	Dự án nhóm B						

TT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định đầu tư hiện hành/ Quyết định CTĐT	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:			
				NSTT	Nguồn đất	XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Dự án Đường trục phía Bắc Khu Đại học Phố Hiến	2372/QĐ-UBND ngày 7/12/2015; 1150/QĐ-UBND ngày 14/5/2021	5.000		5.000		
b	Dự án chuyển tiếp		95.000	-	95.000	-	
	Dự án nhóm B						
1	Dự án Hoàn thiện đường trục phía Bắc Khu Đại học Phố Hiến	1811/QĐ-UBND ngày 26/6/2017	4.000		4.000		
2	Dự án Khu dân cư mới Nam Nu-10, Khu Đại học Phố Hiến	2516/QĐ-UBND ngày 14/9/2017; 195/QĐ-UBND ngày 20/01/2021	5.000		5.000		
3	Dự án đường trục trung tâm Khu Đại học Phố Hiến (đoạn từ đường HY3 đến đường bộ nối hai đường cao tốc)	2509/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	13.700		13.700		
4	Dự án đường trục phía Nam Khu Đại học Phố Hiến (đoạn từ đường HY3 đến đường bộ nối hai đường cao tốc)	2232/QĐ-UBND ngày 04/10/2019	16.700		16.700		
5	Đường trục Bắc - Nam Khu Đại học Phố Hiến (đoạn từ xã Trung Nghĩa đến tuyến đường trục phía Nam)	1238/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	50.600		50.600		
	Dự án nhóm C						
1	Đường trục phía Nam Khu Đại học Phố Hiến kéo dài (đoạn từ đường bộ nối hai đường cao tốc đến đường DH.72)	1258/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	5.000		5.000		
c	Dự án khởi công mới năm 2023		-	-	-	-	
	Dự án nhóm B						
1	Khu dân cư mới Nu-3, Khu Đại học Phố Hiến	371/NQ-HĐND ngày 29/4/2021					
2	Hoàn thiện đường trục trung tâm Khu Đại học Phố Hiến (đoạn từ đường HY3 đến đường bộ nối hai đường cao tốc)						
3	Hoàn thiện đường trục phía Nam Khu Đại học Phố Hiến (đoạn từ đường HY3 đến đường bộ nối hai đường cao tốc)						
4	Khu liên hiệp thể dục thể thao tỉnh Hưng Yên						
XII	CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT		10.000	-	10.000	-	
	Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022		10.000	-	10.000	-	
	Dự án nhóm B						
1	Dự án Phát triển toàn diện kinh tế xã hội các đô thị Việt Trì, Hưng Yên và Đồng Đăng - Hợp phần dự án tại thành phố Hưng Yên	2381/QĐ-UBND ngày 30/12/2011	10.000		10.000		
	Dự án khởi công mới năm 2023						
	Dự án nhóm B						
1	Cải tạo, chỉnh trang một số tuyến đường phố nội thị thành phố Hưng Yên						
XIII	BỔ SUNG VỐN CHO CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH		100.000		100.000		
1	Quỹ phát triển đất		100.000		100.000		
B	TRẢ NỢ LÃI VAY		5.000		5.000		
C	CẤP VỐN ỦY THÁC QUA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI - CHI NHÁNH TỈNH HƯNG YÊN		40.000		40.000		
D	SỐ VỐN CÒN LẠI CHƯA PHÂN BỐ HẾT DO CÁC DỰ ÁN CHƯA ĐỦ THỰC TỤC ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH		1.625.124		1.625.124		
D	DỰ PHÒNG						

Brung



PHỤ LỤC SỐ IV
KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 HỖ TRỢ CÁC XÃ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH HƯNG YÊN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Công trình/ dự án	KH vốn nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG SỐ	1.130.841	
I	THÀNH PHỐ HƯNG YÊN	83.145	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phương Chiểu (đoạn từ nhà ông Doãn thôn Phương Thượng đến Chợ Vị thôn Phương Trung)	2.000	
-	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường xã Phương Chiểu (tuyến 1, từ nhà ông Đào Văn Huân đến nhà ông Vũ Văn Lượng; tuyến 2, từ nhà ông Lê Văn Lộc đến nhà ông Vũ Văn Cường)	6.000	
-	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường xã Phương Chiểu (tuyến 1, từ nhà ông Vũ Văn Quang đến làng mộ Thượng tướng quân Doãn Nỗ; đoạn 2, từ nhà ông Nguyễn Văn Cảnh đến công chùa Miếu; tuyến 3, từ QL.39 đến đầu cống Hạ đoạn xóm 9 thôn Phương Thông)	6.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Quảng Châu (đoạn tuyến cạnh vườn nhà ông Cộng thôn 5 dọc theo đường Xoan bãi 2)	1.500	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quảng Châu (đoạn từ giáp nghĩa trang mới xã Quảng Châu đến vườn nhà ông Cung thôn 3)	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hanh (đoạn 1, từ đường ĐT.378 đến sông Hồng; đoạn 2, từ đường trục xã Hoàng Hanh đến chân cầu Hưng Hà)	5.286	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hanh (đoạn từ nhà văn hóa trung tâm xã Hoàng Hanh đến nhà ông An đội 1 thôn An Châu 1)	3.500	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hanh (từ công làng thôn Phù Sa đến giáp đường gom cầu Hưng Hà)	6.500	
-	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT xã Bảo Khê (đoạn 1, từ cầu Tiền Thắng giáp xã Ngọc Thanh đến đường trục thôn Tiền Thắng; đoạn 2, từ đường QL.39A đến đê tả sông Hồng)	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hùng Cường (đoạn từ trường mầm non xã Hùng Cường đến nhà bà Thăng thôn Cao Xá)	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Cao Xá, xã Hùng Cường (đoạn 1, từ nhà ông Hợi đến đê; đoạn 2: từ nhà ông Trúc đến đê; đoạn 3: từ nhà ông An đến đê)	3.000	
-	Xây dựng Nhà hiệu bộ, phòng học và một số công trình phụ trợ Trường Tiểu học Hùng Cường	4.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Cường (tuyến 1, từ nhà ông Trần đến xã Hùng Cường; tuyến 2, từ nhà bà Huyền đến nhà ông Cao xã Hùng Cường)	6.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Hưng (đoạn từ trạm bơm đến cống bà Ngợi)	6.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Hưng (đoạn từ ông Sao đến Trạm bơm)	7.359	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Hồng Nam (đoạn từ cống Cừ thôn Lê Như Hồ đến ruộng nhà ông Cảnh thôn Điện Biên)	3.000	
-	Xây dựng Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Liên Phương	8.000	
II	HUYỆN TIÊN LŨ	116.139	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cương Chính (đoạn từ ĐH.99 Tiên Lữ đến ĐH.80 Phù Cừ)	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cương Chính (đoạn từ đường ĐH.92 đến nhà ông Sánh thôn An Tào)	2.500	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cương Chính (đoạn từ Ngã ba đình thôn An Tào đến khu đồng Nội thôn An Tào)	3.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hưng Đạo (Đoạn từ đường tỉnh ĐT. 376 đến ĐH.94)	2.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hưng Đạo (Đoạn từ bà Cốc đến sông đường ngang và từ đội 10 nối với xã Minh Hoàng; đoạn từ Đồng Quán, đội 9 đến đường 376 chạy qua Đám Chiêng)	7.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thiện Phiến (Tuyến 1, Đoạn từ cửa bà Lệ đội 2 đến cửa ông An đội 7; Tuyến 2, Đoạn từ đường 39a đến đê sông Luộc đội 6; Tuyến 3, đoạn từ đường 39a đến ngõ nhà ông Lượng đội 5)	4.000	
-	Xây dựng cầu Chùa, xã Thiện Phiến	4.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thiện Phiến (đoạn từ QL39a đi đình cũ thôn Diệt Pháp và đoạn từ QL39a đi đê sông Luộc đội 10 thôn Lam Sơn)	6.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nhật Tân (tuyến 1, từ ông Hùng đến Chợ Chùa; tuyến 2, từ nhà ông Tân đến ông Ong và nhà ông Ong đi Phù Bà)	3.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nhật Tân (đoạn từ đường ĐH.72 đến đường trục xã)	3.000	

Handwritten signature

TT	Công trình/ dự án	KH vốn nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Trung Dũng (Tuyến 1, từ ĐH.83 đến đồng Vóc thôn Canh Hoạch; Tuyến 2, từ ĐH.83 đến cống Gù và ĐH.83 đến đồng Gò thôn An Tràng; Tuyến 3, từ ĐH.92 đến nhà ông Hồng và từ Vá B đến đồng Bái B thôn Đồng Lạc)	3.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Trung Dũng (tuyến 1, đoạn từ nhà ông Thoan đến Đồng Dộc và đoạn từ nhà ông Lãnh đến đồng Đăng thôn Đồng Lạc; tuyến 2, đoạn từ sông Cộc đến Cừ Tàu thôn Đồng Lạc; tuyến 3, đoạn từ ĐH.82 đến ĐH.83 và từ nhà ông Thủy đến đồng Bờ Cà thôn Hoàng Xá)	5.000	
-	Nhà văn hóa xã Trung Dũng	2.200	
-	Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Canh Hoạch, xã Trung Dũng	2.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Trung Dũng (đoạn 1, từ ĐH.92 đến cây xanh thôn An Tràng; đoạn 2, từ ĐH.83 đến nhà ông Phát thôn Đồng Lạc)	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Trung Dũng (đoạn 1, từ cống làng Hoàng Xá đến ĐH.92; đoạn 2, từ ao ông Bá đến nhà ông Tuấn thôn An Tràng; đoạn 3, từ nhà ông Hanh đến nhà ông Lý, thôn Đồng Lạc)	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Trung Dũng (đoạn 1, từ ĐH.82 đến nhà ông Khanh, thôn Hoàng Xá; đoạn 2, từ nhà ông Giao đến nhà anh Đồng, thôn Đồng Lạc; đoạn 3, từ nhà ông Đại đến nhà ông Thuận, thôn Đồng Lạc)	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng xã Thụy Lôi (đoạn từ ĐH.83 đến cống Đồng Lệ Chi và đến cống bà The)	2.700	
-	Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng xã Thụy Lôi (đoạn từ cống bà Biêng đến nghĩa trang Hoa Sen)	2.503	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đức Thắng (Tuyến 1, từ cầu bà Sỹ đến trạm bơm thôn Lạc Dục; Tuyến 2, từ nhà ông Linh đến cầu ông Khôi và đến nhà ông Hiến thôn An Lạc; Tuyến 3, từ ĐH.92 đến xứ dưới đồng thôn Chi Thiện)	2.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đức Thắng (đoạn từ nhà bà Thiết đến nhà bà Thương và đoạn từ ĐH.90 đến máng nối thôn Chi Thiện)	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Thủ Sỹ (Đoạn 1, Từ cầu ông Thỏ đến hộ bà Chia thôn Tất Viên; Đoạn 2, Từ đường cửa Chùa đi tha ma Tây Lĩnh; Đoạn 3, Từ đường ĐH.72 đến kênh Trạm bơm Tất Viên)	3.236	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Lê Bãi, xã Thủ Sỹ (Đoạn từ cầu Đồng Thiện đến đê tả Sông Luộc)	2.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Lê Bãi, xã Thủ Sỹ (Đoạn từ đường 72 vào Chùa Sùng Phúc)	2.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Triều Dương, xã Hải Triều (đoạn từ đường tránh QL.38 đến Đền thờ Bắc Hồ)	7.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hải Triều (đoạn từ ĐT.376 đến trạm biến áp Hải Triều 3)	7.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hải Triều (đoạn 1, từ vườn cây Triều Dương đến máng nối; đoạn 2, từ cầu bà Ý đến máng nối; đoạn 3, từ đường ĐT.376 đến kênh thủy lợi đồng bộ)	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Ngô Quyền (đoạn từ cống trường mầm non thôn ĐN đến nhà ông Hải)	2.500	
-	Xây dựng Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Mai Xá, xã Minh Phụng	2.500	
-	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non xã Minh Phụng	6.000	
III	HUYỆN PHÙ CỪ	107.887	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nhật Quang	5.500	
-	Nhà văn hóa thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng	1.500	
-	Nhà văn hóa thôn Ngũ Lão, xã Quang Hưng	1.500	
-	Cải tạo, nâng cấp 03 tuyến đường GTNT xã Quang Hưng	3.000	
-	Cải tạo, nâng cấp 06 tuyến đường GTNT xã Minh Hoàng	2.419	
-	Nhà lớp học 12 phòng học, nhà hiệu bộ, các phòng học chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Minh Tân	11.800	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Nghĩa Vũ, xã Minh Tân (đoạn từ nhà ông Tinh đến nhà ông Đông)	3.200	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Tân (Tuyến 1: Từ cống làng đến chùa Nghĩa Vũ; Tuyến 2: Từ kho đội 5 đến nhà bà Phăng; Tuyến 3: Từ ngã 3 nhà ông Nhật đến cột phát sóng; Tuyến 4: Đoạn từ ngã 3 nhà ông Cam đến đình thôn Nghĩa Vũ)	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp 07 tuyến đường xã Minh Tiến	3.000	



TT	Công trình/ dự án	KH vốn nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4
-	Cải tạo, nâng cấp 03 tuyến đường GTNT xã Minh Tiến	3.200	
-	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường GTNT thôn La Tiến, thôn Thị Giang, thôn Hạ Đồng, xã Nguyên Hòa	3.000	
-	Xây dựng đường GTNT xã Nguyên Hòa (đoạn quanh hồ La Tiến)	7.300	
-	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường GTNT thôn Tam Đa, thôn Cự Phú, thôn Ngũ Phúc, xã Tam Đa	3.000	
-	Xây dựng cầu GTNT Quán Sang, xã Tam Đa	6.500	
-	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường GTNT thôn Tống Xá, thôn Phan Xá, thôn Hạ Cát, thôn Cát Dương, thôn Vũ Xá, xã Tống Phan	3.000	
-	Sân vận động trung tâm xã Tống Trân	2.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tiên Tiến (tuyến 1, từ nhà ông Hùng đến nhà ông Hách; tuyến 2, từ nhà bà Huệ đến nhà ông Tuyên)	3.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tiên Tiến (đoạn từ ĐH.85 đến nhà ông Thìn, thôn Hoàng Các)	6.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tiên Tiến (đoạn 1, từ nhà bà Như đến nghĩa trang đồng bộ, nhà ông Huỳnh; đoạn 2, từ nhà ông Tuấn đến nhà ông Tiệp; đoạn 3, từ nhà ông Phán đến nhà ông Lơ, trạm bơm 1 ống)	4.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tiên Tiến (đoạn 1, từ nhà ông Khu đến nhà ông Tuấn; đoạn 2, từ nhà ông Tung đến nhà bà Trinh; đoạn 3, từ nhà ông Tụ đến nhà ông Dược)	4.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tiên Tiến (đoạn 1, từ nhà ông Hoàng ngã ba đến nhà bà Xếp Hạc, thôn Hoàng Các; đoạn 2, từ nhà ông Hải Xuất đến nhà ông Độ, thôn Nại Khê)	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đình Cao (đoạn từ nhà ông Đạt đến sông T1-21)	3.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phan Sào Nam (Đoạn từ chân cầu Ba Đông đi nhà ông Nậm, đi bà Ngạc và Đoạn từ nhà bà Tâm đi nhà ông Phúc thôn Ba Đông)	5.468	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đoàn Đào (đoạn 1, từ nhà ông Phúc đến nhà ông Đạo; đoạn 2, từ nhà ông Đông đến cầu Đoàn Đào và nhà ông Khôi; đoạn 3, từ Đình đến nhà thờ họ Lê; đoạn 4, từ nhà ông Đức đến trường mầm non, thôn Đoàn Đào)	6.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đoàn Đào (tuyến 1, từ nhà ông Vê đến nhà ông Thân và từ nhà ông Huân đến nhà ông Vươn; tuyến 2, từ nhà bà Lan đến ĐH.82 và từ công mả non đến trạm bơm biển áp thôn Khá Duy; tuyến 3, từ nhà ông Sơn đến nhà ông Ý và từ ĐH.82 giáp nhà ông Kim đến nhà ông Tu thôn Đông Cáp)	6.500	
IV	HUYỆN AN THI	160.557	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hồng Vân (đoạn từ ĐH.63 đến nhà thờ thôn Tân Viên)	2.000	
-	Xây dựng Trường Mầm non trung tâm xã Hồng Vân; hạng mục: Nhà hiệu bộ và nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	2.000	
-	Đường GTNT thôn Đan Trảng, xã Hồng Vân (từ đường 376 cũ đến nhà ông Đạo và từ nhà ông Tiên đến nhà ông Thiết ĐH.63)	3.500	
-	Đường GTNT xã Hồng Vân (từ đường 376 cũ đến Vũ Xá Kim Động)	6.800	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nguyễn Trãi (đoạn từ đường 376 cũ, nhà ông Sáo đến ĐT.376 mới; đoạn 2 từ nhà ông Thủy Mây đến nhà thờ họ Cù)	7.000	
-	Xây dựng 12 phòng nhóm trẻ và bếp Trường mầm non xã Nguyễn Trãi	6.900	
-	Xây dựng nhà hiệu bộ, nhà lớp học và một số các hạng mục phụ trợ Trường THCS Nguyễn Trãi	6.500	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Mão Xuyên, xã Nguyễn Trãi (đoạn từ ĐT.376 cũ đến nhà ông Tá giao với đường trục ngang)	4.500	
-	Đường GTNT thôn Mễ Xá, xã Nguyễn Trãi (từ nhà anh Tín xóm 1 đến nhà anh Lê xóm 3)	4.500	
-	Đường giao thông thôn Đào Quạt, xã Bãi Sậy (từ nhà ông Vượng đến đê Cửu Yên)	5.800	
-	Xây dựng đường GTNT xã Xuân Trúc (đoạn từ UBND xã giao với ĐT.384 đến đường di tích Đình - Chùa Nghè thôn Cù Tu)	4.500	
-	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Xuân Trúc (Đoạn 1 từ nhà ông Trúc đến ngã ba nhà ông Chi thôn Cù Tu, đoạn 2 từ ngã ba nhà ông Thất thôn Trúc Đình đến ngã ba nhà ông Năng thôn Trúc Lê)	10.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Châm Nhị, xã Vân Du	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Du Mỹ, xã Vân Du	3.000	

TT	Công trình/ dự án	KH vốn nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Vân Du (đoạn từ giao ĐT.376 tại thôn Đường Thôn đến giáp xã Xuân Trúc)	12.000	
-	Xây dựng Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Vân Du	4.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phù Ủng (đoạn 1, từ khu vực Đền Chính đến cửa Tam Quan thôn Phù Ủng; đoạn 2, từ nhà bà Thọ đến nhà ông Canh thôn Sa Lung; đoạn 3, từ cổng làng đến cổng chùa thôn Kim Lũ; đoạn 4, từ nhà cụ Khiết đến nhà cụ Ách thôn Hồng Lương; đoạn 5, từ nhà ông Phụng đến nhà ông Thọ thôn Hồng Lương; đoạn 6, từ chùa đến ngã ba đình làng thôn La Mát; đoạn 7, từ nhà ông Quyển đến nhà ông Tân thôn Đồng Mái)	7.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng thôn Đặng Đình, xã Đặng Lễ (Đoạn 1 từ nhà bà Hải đến ngã ba khu giãn dân thôn Đặng Đình, đoạn 2 từ chùa Thượng đến nhà Du Kiên, đoạn 3 từ nhà ông Lang Phương đến khu Đồng Võ, đoạn 4 từ đường bê tông ngã tư Đường Vèn đến đường kết nối khu dân cư thôn Đặng Đình, đoạn 5 từ Đường Vèn đến khu Đồng Võ)	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đặng Lễ (đoạn qua các thôn Thọ Hội, thôn Đặng Xuyên, thôn Cổ Lễ)	10.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Anh Nhuệ và thôn Văn Trạch, xã Văn Nhuệ	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Văn Nhuệ (Đoạn 1: Từ cổng làng Văn Trạch đến nhà ông Vinh; Đoạn 2: Từ ĐH.61 đến sử đồng cửa chùa, thôn Hoàng Xuyên; Đoạn 3: Từ nhà ông Liên đến đường giữa làng, thôn Hoàng Xuyên)	2.500	
-	Xây dựng Khu hiệu bộ Trường THCS Quang Vinh	2.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quang Vinh (Đoạn 1: Từ QL.38 cũ đến nhà bà Mầu, thôn Đỗ Thượng; Đoạn 2: Từ cổng làng Đỗ Hạ đến cầu Đá; Đoạn 3: Từ QL.38 cũ đến nhà ông Tạo)	3.500	
-	Xây dựng 8 phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Cẩm Ninh	4.000	
-	Xây dựng nhà hiệu bộ, nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Cẩm Ninh	6.400	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đông Bàn và thôn Ninh Thôn, xã Cẩm Ninh	4.500	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn La Chàng, xã Cẩm Ninh	6.820	
-	Cải tạo một số tuyến đường giao thông thôn Bảo Tàng, xã Quảng Lăng	4.000	
-	Cải tạo một số tuyến đường giao thông thôn Bình Hồ, xã Quảng Lăng	5.500	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn 6, xã Hạ Lễ	1.337	
-	Trường THCS Hạ Lễ; hạng mục: Xây dựng nhà lớp học bộ môn 3 tầng 9 phòng và các hạng mục phụ trợ	5.000	
V	HUYỆN KIM ĐỘNG	124.645	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Ngọc Thanh (đoạn từ nhà ông Huân đi đường ĐT.378)	7.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Đồng Thanh (đoạn tuyến từ cổng chùa Bùi Xá đến ĐH.71)	1.800	
-	Xây dựng nhà văn hóa thôn Vĩnh Đồng, xã Đồng Thanh	1.800	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Thanh Sầm, xã Đồng Thanh (đoạn từ nhà ông Thuấn đến Ao Đình)	3.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Đức Hợp (đoạn từ Công ty Thành Phát đến dốc vào thôn Đức Ninh)	4.000	
-	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường từ nhà văn hóa xã Đức Hợp đến nhà ông Thiện đội 8, thôn Đức Trung, xã Đức Hợp	2.500	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đức Hợp (đoạn thuộc xứ Đồng Voi, Đồng Thổ, Đồng Quan)	6.500	
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Đức Hợp (từ cầu sông Tân Hưng đến dốc đê 378)	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phạm Ngũ Lão (thôn Tiên Quán, đoạn từ cổng nhà bà Hạnh đến nhà ông Toán)	2.800	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phạm Ngũ Lão (đoạn từ QL.39 đến cầu Cốc Khê)	3.500	
-	Xây dựng Trường mầm non xã Phạm Ngũ Lão	10.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nghĩa Dân (điểm từ QL 39 đến cổng nghĩa trang thôn Thổ Cầu)	5.000	



TT	Công trình/ dự án	KH vốn nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4
-	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường giao thông xã Nghĩa Dân (đoạn từ đầu thôn Đào Xá đến thôn Tượng Cước, xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi)	5.000	
-	Nâng cấp đường ra đồng xã Hiệp Cường (đoạn từ nhà ông Phùng công chào thành phố Hưng Yên đến cánh Xương Ma)	1.500	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Ninh Phúc, xã Hùng An (đoạn từ Đình Ninh Phúc đến đường ĐH.73)	4.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hùng An (đoạn qua thôn Lai Hạ)	7.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Song Mai, huyện Kim Động (đoạn giao với ĐH.71 đến Ngã ba thôn Phán Thủy)	6.576	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Song Mai (đoạn qua các thôn Mai Xá và Phán Thủy)	6.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Song Mai (đoạn qua các thôn Mai Xá và Mai Viên)	4.500	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Mai Động (đoạn từ đường bê tông chân đê 378 đến đường ĐH.71 (ĐT.377 QH))	13.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Xá (Đoạn từ Đường ĐH74 đến bốt điện khu vực Hùng Cường thôn Đào Xá)	2.500	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Xá (đoạn 1, từ nhà ông Huỳnh Thợ đến ruộng chuối nhà ông Bích Mùng; đoạn 2, từ nhà ông Thoan đến Công Cao; đoạn 3, từ đập Hai đường tắt đến máng nội)	6.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Xá (đoạn từ cây đa bà Thộn đến gốc Gạo)	3.500	
-	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Vĩnh Xá	4.500	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thọ Vinh (đoạn 1, từ nhà văn hóa thôn Đông Hưng đến nhà ông Hưng; đoạn 2, từ nhà ông Hà đến nhà ông Hương; đoạn 3, từ nhà ông Quỳnh đến nhà Hà Chiến; đoạn 4, từ nhà ông Thái đến nhà ông Thư)	2.000	
-	Xây dựng cầu bắc qua sông Kim Ngư thôn Trương Xá, xã Toàn Thắng	3.169	
-	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 12 phòng - Trường Tiểu học xã Vũ Xá	2.500	
VI	HUYỆN KHOÁI CHÂU	195.364	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Tảo (một số tuyến đường thôn Đông Tảo Đông và thôn Đông Tảo Nam)	8.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT nội đồng xã Đông Tảo (đoạn 1, từ nhà anh Hoàng xóm Thống Nhất đến trạm bơm xóm Hiệp Tiến; đoạn 2, từ nhà bà Liễu đến nhà ông Phóng thôn Dũng Tiến)	2.500	
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã An Vi (Đoạn tiếp giáp trường tiểu học xã An Vi đến cầu thôn Hạ).	2.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã An Vi (Đoạn từ chùa Chung đến nhà ông Nguyễn Chiến Khu, thôn An Thái).	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã An Vi (đoạn từ đường ĐT.377 đến đường Chùa thôn Trung)	6.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã An Vi (Đoạn 1: từ đầu cầu đến trạm bơm đường cọc; Đoạn 2: từ bốt điện thôn Trung đến nhà ông Huyền)	4.000	
-	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng Trường tiểu học xã An Vi	5.000	
-	Nhà hiệu bộ và một số phòng học chức năng trường tiểu học xã An Vi	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã An Vi (đoạn từ nhà bà Yên Mác đến nhà ông Chúng Hoa - thôn Trung)	2.000	
-	Xây dựng Nhà văn hóa thôn và các hạng mục phụ trợ thôn Hương Quất 1, xã Thành Công	2.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thành Công (đoạn từ sau nhà văn hóa xã đến ngã tư nhà giáo lý thôn Sài Quất)	1.500	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thành Công (đoạn từ đường ĐT.377 đến ngã tư NA)	4.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Thành Công (đoạn 1, từ nhà ông Tăng đến bãi rác cũ; đoạn 2, từ công bụi đến nhà ông Hùng)	6.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thành Công, huyện Khoái Châu (Tuyến đường dọc máng NA đoạn từ đường ĐH53 đến khu trại lợn)	3.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nhuế Dương (đoạn từ đường ĐH 59B nhà bà Quang Chuyển đến đường ĐH 59B ngõ nhà bà Kê)	2.500	
-	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường TH và THCS Nhuế Dương	8.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Thuần Hưng (đoạn từ Quán Dầu đi cống hai thành và đoạn từ nhà ông Giảng đi ngã ba Lòng Nước)	2.500	

TT	Công trình/ dự án	KH vốn nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Thuận Hưng (đoạn từ ngã ba bưu điện đến Khu di tích Sài Thị và đoạn từ bến cùg thôn 1 đến bến cùg tây thôn 3)	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thuận Hưng (Đoạn 1: Từ cùg Tây đi nhà Gạ; Đoạn 2: Từ Cầu Lê đi cùg quán Dầu)	5.500	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Bãi Sậy 2 xã Tân Dân	2.500	
-	Nhà lớp học chức năng và hiệu bộ trường tiểu học xã Tân Dân (Thôn Bãi Sậy)	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Tân Dân (đoạn từ nhà ông Đức Huyền đến nhà ông Cà; từ nhà ông Khải đến nghĩa trang thôn Bãi Sậy I; từ nhà ông Quyết Hiền đến nhà ông Hải Hòa)	7.000	
-	Xây dựng cầu Kênh Tây, xã Từ Dân	2.000	
-	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và một số hạng mục phụ trợ trường THCS Dạ Trạch	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Dạ Trạch (thôn Đức Nhuận, đoạn từ Trục chính làng đến nhà May Thiện Bờ Dộc)	2.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT nội đồng xã Dạ Trạch (Đoạn 1 từ đường ĐT.377B đến ruộng nhà ông Tuấn; Đoạn 2 từ đường ĐT.377B đến ruộng nhà ông Tâm; Đoạn 3 từ Kênh Tây T.7B đến cánh đồng ba mẫu sáu và Đoạn 4 từ trại nhà Chí Thưởng đến đường ĐT.377B)	4.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT nội đồng xã Dạ Trạch (Đoạn 1, từ trại nhà ông Đoài đến vườn nhà bà Biên, xóm 2; đoạn 2, từ trại nhà anh Phòng đến trại nhà ông Dộng, xóm 1; đoạn 3, từ nhà ông Túy đến giáp đồng Tân Dân)	3.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Dạ Trạch (thôn Đức Nhuận, đoạn từ nhà Phúc Hà đến nhà ông Khải)	2.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Dạ Trạch (đoạn từ trại ông Mùi đến ao ông Hoa; từ cùg nhà Yên Phiến đến cùg nhà Hằng Mạnh thôn Đức Nhuận; từ cùg nhà Âu Anh đến trại nhà Hường; từ trại Chí Thưởng đến trại ông Nhân thôn Yên Vĩnh)	2.000	
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cùg Bồ Đề đi đường ĐT.383, xã Ông Đình	2.500	
-	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học và THCS xã Ông Đình	6.000	
-	Xây dựng một số nhà lớp học, nhà chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non Đông Kết	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình Kiều (đoạn từ thôn Bình Kiều đi sông 9 Phụng Hưng)	2.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình Kiều (đoạn từ nhà văn hóa thôn Bình Kiều đi xã Phụng Hưng)	3.500	
-	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông thôn Yên Lịch và thôn Mậu Lâm, xã Dân Tiến	3.000	
-	Xây dựng tuyến đường bờ đông máng kênh đông xã Phụng Hưng	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phụng Hưng (đoạn từ cùg làng Kim Quan đến Đình Ngọc Nha Thượng)	2.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phụng Hưng (đoạn từ dốc trường Tiểu học Phụng Hưng đến tiếp giáp xã Đại Hưng)	2.000	
-	Nhà lớp học và các phòng học chức năng; các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Đồng Tiến	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn An Lạc, xã Đồng Tiến (đoạn từ: cùg làng An Lạc đến nhà ông Cẩm)	3.500	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Kim Tháp, An Lạc, Thổ Khối, xã Đồng Tiến	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Bình Minh	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Hàm Tử (đoạn từ Ủy ban xã đến đường ĐT.378)	6.864	
-	Trường THCS xã Đại Hưng - Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 21 phòng	6.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đại Hưng (đoạn 01, từ đền Đại Quan đến đường nối xã Chí Tân; đoạn 02, từ nghĩa trang nhân dân đến khu Bè Linh)	5.000	
-	Xây dựng cầu Nhà Liễn, xã Đại Hưng	3.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Chí Tân (đoạn 1, từ dốc đình Cốc Phong đi ngõ nhà ông Nhuận thôn Cốc Phong; đoạn 2, từ ngõ nhà Nụ Sáu thôn Cốc Phong đi nhà Nhung Minh thôn Cốc Phong; đoạn 3, từ sau chùa qua nhà văn hóa thôn Tân Hưng đến nhà nhà Tuyên Trang thôn Tân Hưng)	4.500	
-	Nhà lớp học 06 phòng chức năng Trường Tiểu học và THCS Chí Tân	1.500	



TT	Công trình/ dự án	KH vốn nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4
-	Xây dựng nhà văn hóa thôn Cốc Phong, xã Chí Tân	3.000	
-	Xây dựng nhà văn hóa thôn Nghi Xuyên, xã Chí Tân	2.000	
VII	HUYỆN YÊN MỸ	132.745	
-	Cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn Trung Hòa, xã Trung Hòa	2.500	
-	Nhà lớp học bộ môn 3 tầng 12 phòng Trường THCS Trung Hòa	4.000	
-	Trường mầm non trung tâm xã Trung Hòa	10.576	
-	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường GTNT thôn Thiên Lộc, xã Trung Hòa	2.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Việt	2.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Hoan Ái, xã Tân Việt	6.500	
-	Nhà văn hóa thôn Hoan Ái, xã Tân Việt	3.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Quảng Uyên và thôn Xuân Lai, xã Minh Châu	2.500	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Ngọc Long	4.500	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Long Vỹ, xã Thanh Long	7.457	
-	Nhà văn hóa xã Thanh Long	3.212	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đại Hạnh, xã Hoàn Long	3.000	
-	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường GTNT thôn Mỹ Xá, xã Việt Cường	6.000	
-	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Việt Cường (đoạn qua các thôn Mỹ Xá và thôn Thanh Xá)	7.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Việt Cường (Đoạn từ UBND xã đến cầu thôn Thái Nội)	14.500	
-	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT xã Tân Lập	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Yên Hòa (Đoạn từ UBND xã đến thôn Thái Hòa)	20.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Trung Đạo, xã Trung Hưng	6.000	
-	Nhà văn hóa thôn Đạo Khê xã Trung Hưng	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Liêu Thượng, xã Liêu Xá	7.000	
-	Xây dựng Trường mầm non xã Liêu Xá (điểm trường thôn Hào, thôn Liêu Thượng)	9.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đồng Than (đoạn từ trường mầm non thôn Xuân Tràng lối vào Nghĩa Trang thôn và đoạn từ nhà ông Tổng đến giáp nhà ông Nên thôn Xuân Tràng)	2.000	
VIII	THỊ XÃ MỸ Hào	49.164	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên thôn Thuận Xuyên - Tân Hưng, xã Hưng Long (đoạn từ cầu vòng đến giao đường trục thôn Tân Hưng)	6.840	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Ngọc Lâm (đoạn từ QL5 giáp xã Bạch Sam đến khu dân cư và một số tuyến đường trong thôn Ngọc Lăng)	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường và rãnh dọc thoát nước xã Ngọc Lâm (đoạn 1, từ cầu Ngái thôn Vô Ngại đến cống trạm bơm; đoạn 2, từ giao trục đê Kim Sơn đến cống chân nuôi thôn Vô Ngại; đoạn 3, từ đường bê tông giáp công doanh nghiệp đến đầu làng Nho Lâm)	4.000	
-	Cải tạo, nâng cấp kè và mở rộng tuyến đường giao thông xã Ngọc Lâm (đoạn từ trạm bơm Ngọc Lâm đến trạm bơm Phúc Bó)	15.216	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Dương Quang (đoạn 1, từ ngã tư gần trạm điện đến nhà ông Phê thôn Hiến Dương; đoạn 2, đường và kè giáp ao thôn Vũ Xá)	3.777	
-	Cải tạo, nâng cấp đường, kè giáp ao thôn Phúc Miếu, thôn Phúc Thọ, thôn Hòa Đàm, thôn Thuận Mỹ, xã Hòa Phong	6.000	
-	Xây dựng cầu Tiên Xá, xã Cẩm Xá	6.000	

TT	Công trình/ dự án	KH vốn nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4
-	Xây dựng đường từ đường Trần Thị Khang đến thôn Xuân Bán, xã Xuân Dục	2.331	
IX	HUYỆN VĂN LÂM	82.527	
-	Cải tạo và nâng cấp từ đường GTNT xã Việt Hưng (từ ĐH.16 thôn Đồng Chung đến chợ Nôm, thôn Phà Lê)	3.882	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Phà Lê, xã Việt Hưng	3.000	
-	Cải tạo và nâng cấp đường GTNT xã Việt Hưng (quán gai mở đường từ Cổng quán gai đến Đường ĐH 16 thôn Sầm Khúc)	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường thôn Sầm Khúc, xã Việt Hưng (Đoạn từ nhà ông Thủ đến công ao Mạch)	4.000	
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông nội đồng thôn Cự Đình, Mễ Đậu và thôn Đồng Chung, xã Việt Hưng	2.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông trong thôn và chỉnh trang khuôn viên ao Quán thôn Ngọc Loan, xã Tân Quang	5.286	
-	Nhà văn hóa thôn Bình Lương, xã Tân Quang	2.500	
-	Nhà văn hóa thôn Ngọc Loan, xã Tân Quang	2.500	
-	Cải tạo, nâng cấp đường vành đai thôn Ngọc Đà, xã Tân Quang (đoạn từ nhà ông Cần đến nhà ông Vinh)	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Lương Tài (đoạn từ thôn Phú Tân đến điểm quy hoạch tập kết rác thải cánh đồng Đồng Buồm thôn Mậu Lương)	3.000	
-	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thuộc địa bàn thôn Quang Trung, Hồng Thái, Phạm Kham, xã Lạc Hồng	3.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Đình Dù, huyện Văn Lâm (Đoạn từ nhà ông Sỹ đến công Đò thôn Thị Trung)	4.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã thôn Tuấn Dị, xã Trung Trắc (tuyến 1, từ nhà ông Trường đến nhà bà Khánh Thơ; tuyến 2, từ nhà ông Điều đến nhà ông Quỳnh)	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Trung Trắc (Đoạn từ chùa Tuấn Dị đến nhà máy nước xã Trung Trắc và Đoạn từ Cầu Đình thôn An Lạc đến đường ĐH.10)	3.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Trung Trắc (Đoạn từ cầu Ngọc Lịch đến cầu Nghĩa Trụ)	7.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT; giao thông nội đồng xã Chi Đạo (tuyến 1 là đường xóm Soi, thôn Nghĩa Lộ; tuyến 2 từ nhà ông Ba đến điểm trung chuyển rác thải thôn Cát Lư; tuyến 3 từ nhà ông Ngãi đến Đồng Khoai thôn Trịnh Xá và tuyến 4 từ Cây đa nhóm 9 đến Đồng giáo thôn Trịnh Xá)	5.000	
-	Xây dựng nhà lớp học trường Tiểu học xã Chi Đạo (2 tầng 12 phòng phía Tây)	5.359	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đại Đồng (Đoạn từ chợ Bãi Sim đến bờ kênh trạm bơm Cầu Gáy và đoạn từ nhà ông Cương đến khu đầu giá đất thôn Lộng Thượng)	2.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và ao hồ thôn Văn Ổ, thôn Xuân Phao, thôn Đình Tổ, xã Đại Đồng)	7.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Minh Hải (đoạn từ ĐT.380 thôn Chùa đến ngã tư thôn Hoàng Nha và đoạn từ nhà ông Phúc đến cây đa thôn Thanh Khê)	5.000	
X	HUYỆN VĂN GIANG	78.668	
-	Xây dựng khối nhà lớp học 3 tầng 6 phòng Trường Tiểu học Thăng Lợi	2.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thăng Lợi (đoạn từ nhà ông Bằng đến nhà ông Lương; đoạn từ nhà ông Kiều đến nhà ông Thống)	4.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT và kênh tiêu xã Thăng Lợi	4.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT và hệ thống tiêu thoát nước xã Phụng Công (đoạn 1, từ chợ Phụng Công đến nhà ông Hùng; đoạn 2, từ ao đình Phụng Công đến nhà bà Lan thôn Bến Chùa)	3.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Xuân Quan (đoạn từ nhà văn hóa thôn 10 đến nghĩa trang thôn 4 và đoạn từ nghĩa trang thôn 4 đến ĐT.379B)	6.882	
-	Cải tạo, mở rộng đường giao thông nội đồng xã Xuân Quan (đoạn từ đường 379B đi Đầm Bươu)	3.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Xuân Quan (đoạn 1, từ đường trục xã đến nhà ông Chiến Đạo thôn 6; đoạn 2, từ đường trục xã đến ngõ nhà ông Phúc thôn 6; đoạn 3, từ công chào thôn 7 đến đường ĐT.379B và đoạn 4, từ nhà bà Nhung Thủy đến nhà ông Bằng thôn 7)	7.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên thôn Thượng - Nguyễn, xã Cửu Cao	2.500	
-	Nhà văn hóa thôn Nguyễn, xã Cửu Cao	3.000	



TT	Công trình/ dự án	KH vốn nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liên Nghĩa (đoạn từ ĐT.377 đi ĐH.26 đoạn qua thôn Đan Kim)	2.500	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liên Nghĩa (đoạn từ ĐH.25 đi cầu máng CD Quán Trạch)	5.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liên Nghĩa (đoạn từ nhà ông Pha đến nhà ông Bi thôn Đan Kim)	2.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liên Nghĩa (đoạn từ trạm biến áp cửa ông Hy thôn AB Quán Trạch đi kênh Tây)	2.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liên Nghĩa (đoạn từ ĐT.377 đi khu Cao xóm B thôn AB Quán Trạch)	2.000	
-	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng Trường tiểu học xã Vĩnh Khúc (Nhà C)	5.286	
-	Nhà văn hóa thôn Đông Khúc, xã Vĩnh Khúc	2.500	
-	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Nhân Nội, xã Tân Tiến	2.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Tiến (đoạn từ đình làng Nhân Nội đi đường ĐH.23)	3.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Hòa Bình Thượng, thôn Hòa Bình Hạ, xã Tân Tiến	7.000	
-	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Kim Ngưu, xã Tân Tiến	3.500	
-	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Vĩnh Lộc, xã Tân Tiến	1.500	
-	Phòng học, phòng chức năng Trường mầm non xã Tân Tiến	5.000	

B. Hùng

PHỤ LỤC SỐ V

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2023 CỦA CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Nguồn vốn ngân sách tập trung tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất			Ghi chú
				Tổng số	Cấp huyện	Cấp xã	
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	4.768.900	139.400	4.629.500	3.124.000	1.505.500	
1	Thành phố Hưng Yên	843.324	23.324	820.000	480.000	340.000	
2	Thị xã Mỹ Hào	1.669.301	12.801	1.656.500	1.190.000	466.500	
3	Huyện Văn Lâm	396.282	11.282	385.000	235.000	150.000	
4	Huyện Yên Mỹ	523.560	13.560	510.000	320.000	190.000	
5	Huyện Văn Giang	170.740	10.740	160.000	115.000	45.000	
6	Huyện Khoái Châu	197.574	17.574	180.000	160.000	20.000	
7	Huyện Ân Thi	122.862	14.862	108.000	24.000	84.000	
8	Huyện Kim Động	282.801	12.801	270.000	180.000	90.000	
9	Huyện Phù Cù	281.174	11.174	270.000	210.000	60.000	
10	Huyện Tiên Lữ	281.282	11.282	270.000	210.000	60.000	

8.11.2023

